

Bản án số: 11/2022/HS-ST

Ngày 04-4-2022

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mến

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Trung Vẹn

2. Ông Dương Thành Huynh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Chí Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tươi, Kiểm sát viên.

Ngày 4 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh, Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 03/2022/HSST, ngày 28 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2022/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 03 năm 2022 đối với bị cáo:

Trần Vĩnh H, sinh năm 1974, tại huyện T, tỉnh Trà Vinh; Nơi cư trú: ấp TK, xã Đ, huyện T, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: tài xế; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Hoa; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: nam; Con ông Trần Thanh H, sinh năm 1933 (chết) và bà Lê Thị G, sinh năm 1937 (chết); Bị cáo có vợ tên Trần Thị C, sinh năm 1975 (đã ly hôn), có 02 người con, lớn sinh năm 1995, nhỏ sinh năm 1998; Tiền án: không; Tiền sự: Bị Công an huyện T, tỉnh Trà Vinh xử phạt vi phạm hành chính số tiền 2.000.000 đồng theo Quyết định xử phạt số: 112/QĐ-XPHC, ngày 21/4/2020 về hành vi khai thác khoáng sản không có giấy phép; Nhân thân: xấu; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 15/11/2021 cho đến nay (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Kiều Thanh P, sinh năm 1984. Nơi cư trú: khóm X, thị trấn Đ, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt không lý do).

2/ Ông Thạch T, sinh năm 1980. Nơi cư trú: ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

3/ Ông Thạch K, sinh năm 1958. Nơi cư trú: ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

4/ Ông Thạch Sâm O, sinh năm 1991. Nơi cư trú: ấp XT, xã NX, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

5/ Ông Trầm Đ, sinh năm 1987. Nơi cư trú: ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

6/ Ông Nguyễn Trọng H1, sinh năm 1973. Nơi cư trú: ấp XL, xã Đ, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2020, bị cáo Trầm Vĩnh H bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Khai thác khoáng sản không giấy phép”, chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính. Đến khoảng tháng 02/2021, bị cáo H thỏa thuận với ông Thạch T về việc ông T tìm đất mặt ruộng mua lại để giới thiệu cho bị cáo H khai thác bán kiếm lời (bị cáo H không nói cho ông T biết bản thân bị cáo đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi khai thác khoáng sản trái phép). Sau đó, ông T tìm thỏa thuận với ông Thạch K sẽ khai thác mua lớp đất mặt ruộng diện tích 4.810m² của ông K, với số tiền 5.000.000 đồng. Ông T giới thiệu bị cáo H để đưa phương tiện đến phần đất của ông K khai thác, bị cáo H trả tiền hoa hồng cho ông T 20.000 đồng/chuyến xe chở đất khai thác được.

Bị cáo H thuê Thạch Sâm O và Trầm Đ trực tiếp thực hiện việc khai thác đất mặt ruộng, lúc này bị cáo không nói cho ông O và ông Đ biết bản thân bị cáo đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi khai thác khoáng sản trái phép.

Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 15/3/2021, H giao xe cuốc, xe tải cho ông O và ông Đ để khai thác. Khoảng 21 giờ cùng ngày, lợi dụng trời tối, ít người qua lại, bị cáo H yêu cầu Thạch Sâm O và Trầm Đ đến vị trí thửa đất của ông Thạch K để khai thác lớp đất mặt ruộng. Bị cáo H thuê ông O điều khiển xe cuốc đào, múc đất để lên xe tải và trả tiền công 15.000 đồng/chuyến xe, còn ông Đ điều khiển xe tải chở đất đi bán và trả tiền công 50.000 đồng/chuyến xe. Sau khi khai thác và chở đi bán được một xe đất khoảng hơn 4m³. Ông Đ điều khiển xe tải quay lại vị trí khai thác để tiếp tục khai thác và chở đất đi bán.

Khoảng 22 giờ cùng ngày, trong lúc ông O đang điều khiển xe cuốc đào đất, múc đổ lên xe tải được khoảng hơn nửa xe thì bị lực lượng Công an huyện T phát hiện, lập biên bản vi phạm quả tang. Tại hiện trường phát hiện phương tiện vi phạm tang vật thu giữ gồm đất mặt ruộng đã khai thác và đất mặt ruộng đã khai thác xong mang đi bán, kiểm tra đo khối lượng ban đầu tổng số là 8,184m³, gồm tại hiện trường 3,846m³ đất và đất khai thác xong mang đi bán 4,32m³; 01 xe cuốc Komatsu-PC120,

đã cũ, màu vàng xanh; 01 xe ô tô tải ben, biển kiểm soát 84C-000.94, đã cũ, màu xanh, nhãn hiệu Anthai Coneco, số máy YC4D1202D12D1A00471, số khung RN6BCE21AT000171 đã qua sử dụng.

Theo kết quả khảo sát hiện trạng của trung tâm giám định chất lượng xây dựng (Cục giám định xây dựng Trà Vinh) xác định tổng khối lượng đất mặt ruộng thu giữ nêu trên bằng 6,01m³.

Cơ quan điều tra đã lấy mẫu đã thu giữ đất mặt ruộng nêu trên gửi giám định. Kết luận giám định tư pháp ngày 08/10/2021 của Tổng cục Địa chất và Khoáng sản với tên gọi là “Sét gạch ngói” hay “Đất sét gạch ngói”.

Tại biên bản định giá tài sản ngày 09/11/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự kết luận khối lượng 6,01m³ đất thu giữ tổng trị giá 396,660 đồng.

Căn cứ vào khối lượng tài nguyên mà Trầm Vĩnh H khai thác trái phép, mặc dù chưa đủ định lượng theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, nhưng do bị cáo H đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này, khi chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính mà lại tiếp tục thực hiện hành vi vi phạm nên phải bị xử lý về trách nhiệm hình sự.

Tại bản cáo trạng số: 03/CT-VKS-P1 ngày 27/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh đã quyết định truy tố bị cáo Trầm Vĩnh H về tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên” theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 227 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 khung hình phạt bị phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 1.500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Trầm Vĩnh H thống nhất với nội dung bản cáo trạng truy tố bị cáo, bị cáo khai nhận là hoàn toàn nhận thức được hành vi khai thác tài nguyên, khoáng sản khi không được cơ quan có thẩm quyền cấp phép là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích lợi nhuận cá nhân nên bị cáo vẫn thực hiện hành vi vi phạm pháp luật trong khi trước đó bị cáo đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi khai thác tài nguyên, khoáng sản tương tự và vẫn còn chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

Quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh: Sau khi phân tích các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa hôm nay đã thể hiện ngày 15/3/2021, bị cáo Trầm Vĩnh H thực hiện hành vi khai thác khoáng sản không phép đã bị Công an huyện T, tỉnh Trà Vinh xử phạt vi phạm hành chính số tiền 2.000.000 đồng theo Quyết định xử phạt số: 112/QĐ-XPHC, ngày 20/4/2020. Theo thời hạn, Quyết định xử phạt số: 112/QĐ-XPHC, ngày 20/4/2020 của Công an huyện T, tỉnh Trà Vinh chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính thì đến ngày 15/3/2020, Trầm Vĩnh H tiếp tục thực hiện hành vi khai thác khoáng sản (đất ruộng) không có giấy phép với khối lượng đất mặt ruộng thu hồi là 6,01m³, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã đủ căn

cứ quy kết bị cáo Trầm Vĩnh H phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên” theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Vị đại diện Viện kiểm sát quyết định giữ nguyên nội dung bản cáo trạng truy tố bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 227; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù, thời gian tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, Vị còn đề nghị Hội đồng xét xử xử lý tang vật, buộc bị cáo phải nộp án phí và dành quyền kháng cáo cho những người tham gia tố tụng theo quy định pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo Trầm Vĩnh H: Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa Vị đại diện Viện kiểm sát, những người tham gia tố tụng không bổ sung tài liệu, đồ vật và không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng. Xác định tư cách người tham gia tố tụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và giới hạn xét xử của Tòa án theo Điều 298 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 268 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh. Tại phiên tòa vắng mặt 04 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong đó có 03 người có đơn xin xét xử vắng mặt, 01 người vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Tuy nhiên, việc vắng mặt của các đương sự đã được Tòa án triệu tập hợp lệ; tại phiên tòa bị cáo, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đại diện Viện kiểm sát yêu cầu xét xử do trong quá trình điều tra Cơ quan điều tra công an tỉnh Trà Vinh đã làm rõ lời khai của những người này. Vì vậy, căn cứ vào quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án, tuy nhiên việc xét xử vụ án sẽ không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự vắng mặt tại phiên tòa, cũng như do tình hình dịch bệnh Covid-19 hiện nay đang diễn biến phức tạp nên Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh hạn chế việc tập trung đông người.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo Trầm Vĩnh H: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo hoàn toàn thống nhất với nội dung bản Cáo trạng số 03/CT-VKS-P1 ngày 27/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh đã mô tả. Lời khai thừa nhận của bị cáo tại phiên tòa mặc dù bị cáo đã bị Công an huyện T ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 112/QĐ-XPHC ngày 20/4/2020 về hành vi khai thác khoáng sản không giấy phép với mức phạt là 2.000.000 đồng. Việc xử phạt này là

đúng với hành vi, thẩm quyền và trình tự xử phạt, nhưng sau đó bị cáo không biết ăn năn, hối cải mà đến ngày 15/3/2021, bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi vi phạm pháp luật tương tự, cụ thể là vào lúc 16 giờ 30 phút ngày 15/3/2021, bị cáo giao xe cuốc, xe tải cho ông Ô và ông Đ để khai thác đất ruộng đến khoảng 21 giờ cùng ngày lợi dụng trời tối bị cáo H yêu cầu Thạch Sâm Ô và Trầm Đ đến thửa đất của ông Thạch K để khai thác lớp đất mặt ruộng và vận chuyển khối lượng đất được khai thác đem bán cho ông Nguyễn Trọng H1. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày thì bị lực lượng Công an huyện T phát hiện, lập biên bản vi phạm quả tang cùng với các vật chứng. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra là nhất quán, không thay đổi và phù hợp với biên bản ghi nhận vụ việc vi phạm quả tang, biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do Cơ quan điều tra Công an tỉnh Trà Vinh thu thập có được. Do đó, hành vi của bị cáo đã thỏa mãn các yếu tố cấu thành tội phạm theo quy định của Bộ luật Hình sự về tội danh “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên”. Do vậy, bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh quyết định truy tố bị cáo Trầm Vĩnh H về tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên” theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là phù hợp với hành vi bị cáo thực hiện, đúng quy định của pháp luật về khung hình phạt và tội danh.

[3] Xét tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng và hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về khai thác tài nguyên, đồng thời gây ra dư luận không tốt trong quần chúng nhân dân bởi hiện nay tình trạng các tổ chức, cá nhân ngang nhiên khai thác tài nguyên, khoáng sản trong khi không được sự cấp phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm mục đích trục lợi ngày càng tăng và quy mô ngày càng lớn. Bị cáo biết hành vi khai thác tài nguyên (đất ruộng) là vi phạm pháp luật, đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện, ngoài ra bị cáo từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi khai thác khoáng sản không phép, cụ thể vào ngày 30/8/2018 bị Công an huyện T phạt 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc và ngày 3/4/2019 bị Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh phạt 58.850.000 đồng về hành vi khai thác cát trái phép. Với những phân tích trên thể hiện bị cáo có thái độ xem thường pháp luật nên Hội đồng xét xử cần xử lý nghiêm, có hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội thời gian nhất định nhằm giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt và có tác dụng phòng ngừa chung cho xã hội, đặc biệt là trong tình hình vi phạm pháp luật đối với loại tội phạm này trong thực trạng xã hội hiện nay.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cho bị cáo, Hội đồng xét xử cũng cần xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như: Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo chưa có tiền án, hoàn cảnh gia đình bị cáo đơn chiếc. Đây là những tình tiết giảm nhẹ cần được xem xét cho bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm:

Đối với ông Thạch T: Bản thân nhận thức được hành vi khai thác đất mặt ruộng nêu trên không có giấy phép khai thác khoáng sản là vi phạm pháp luật nhưng vì cần tiền tiêu sài nên bất chấp các quy định của pháp luật vẫn làm mọi giới tìm nguồn đất để giúp bị cáo H khai thác trái phép. Do vi phạm lần đầu nên bị lập biên bản vi phạm hành chính, về ý thức chủ quan ông T không biết trước việc bị cáo H có 01 tiền sự về hành vi này. Vì vậy hành vi của ông T chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Đối với ông Thạch Sâm O và ông Trầm Đ: Ngày 15/3/2021, do quan hệ quen biết, bị cáo H thuê Trầm Đ và Sâm O để thực hiện khai thác đất mặt ruộng, bị cáo H giao phương tiện xe cuốc, xe tải cho hai người này điều khiển đào, mức đất thực hiện khai thác đất mặt ruộng để bán cho khách hàng, bị cáo H không nói cụ thể họ tên khách hàng cho ông Sâm O và ông Trầm Đ biết, còn trước đó việc thỏa thuận giữa bị cáo H và ông Thạch T thì ông Đ và ông O không biết. Bản thân hai người trên sinh sống bằng nghề lái xe thuê, làm theo thời vụ nhận thức về pháp luật còn hạn chế nên ngày 15/3/2021, bị cáo H liên hệ qua điện thoại thuê khai thác đất ruộng để bán thì ông Đ và ông O đồng ý mà không biết bị cáo H có giấy phép khai thác hay chưa, nên không xem xét trách nhiệm pháp lý đối với ông T và ông O.

Đối với Nguyễn Trọng H1, sinh năm 1973, địa chỉ ấp XL, xã Đ, huyện T, tỉnh Trà Vinh: Là người mua đất mặt ruộng của bị cáo H mục đích để san lấp mặt bằng, về ý thức chủ quan bản thân ông H1 không biết bị cáo H khai thác đất mặt ruộng trái phép, vì vậy không xem xét trách nhiệm pháp lý đối với ông H1.

Đối với Kiều Thanh P là chủ phương tiện xe cuốc Komatsu – PC120 bị cáo H thuê sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội. Anh P không biết bị cáo H sử dụng phương tiện trên để thực hiện hành vi khai thác tài nguyên (đất mặt ruộng – khoáng sản) trái phép, nên không xem xét trách nhiệm pháp lý đối với anh P.

[5] Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thẩm tra các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, thấy rằng các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đều đúng với quy định của pháp luật, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại hoặc có ý kiến nào khác phản đối các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng nên các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tố tụng, của người bào chữa đều hợp pháp.

[6] Đối với số tiền thu lợi bất chính 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) buộc ông Thạch K phải có trách nhiệm nộp sung vào ngân sách nhà nước.

[7] Về tang vật thu giữ:

Đối với tang vật là 01 xe cuốc Komatsu-PC120, đã cũ, màu vàng xanh. Trước khi kết thúc điều tra, Cơ quan điều tra đã giao trả xe cuốc hiệu Komatsu – PC120

cho chủ sở hữu là anh Kiều Thanh P là phù hợp vì hành vi phạm tội của bị cáo H, anh P không biết.

Đối với tang vật là Khoáng sản (đất mặt ruộng) khối lượng 6,01m³; 01 xe ô tô tải ben, biển kiểm soát 84C-000.94, đã cũ, màu xanh, nhãn hiệu Anthai, Coneco, YC4D1202D1A000471, số khung RN6BCE21AT000171, đây là các vật chứng liên quan đến quá trình thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo, tuyên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

[8] Về án phí: Bị cáo Trầm Vĩnh H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[9] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh là phù hợp quy định pháp luật cũng như nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: điểm a khoản 2 Điều 268, Điều 269 và Điều 299 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tuyên bố bị cáo Trầm Vĩnh H phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên”.

Căn cứ: điểm đ khoản 1 Điều 227; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trầm Vĩnh H 01 (Một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Buộc ông Thạch K nộp lại số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) sung vào ngân sách nhà nước.

Về tang vật thu giữ: Căn cứ vào Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: Khoáng sản (đất mặt ruộng) khối lượng 6,01m³; 01 xe ô tô tải ben, biển kiểm soát 84C-000.94, đã cũ, màu xanh, nhãn hiệu Anthai, Coneco, YC4D1202D1A000471, số khung RN6BCE21AT000171.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Bị cáo Trầm Vĩnh H phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

“Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án”.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày án sơ thẩm đã tuyên. Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa là ông Kiều Thanh P có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú./.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSNDCC;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Phòng hồ sơ - CA tỉnh Trà Vinh;
- Cục THADS tỉnh Trà Vinh;
- CA huyện T;
- Những người TGTT;
- Lưu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Văn Mên